

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hanh.

2. Bà Kiều Thị Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1957.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị M, sinh năm 1959.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 25 tháng 5 năm 2021, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông và bà Vũ Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 9 năm 1983 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới bà M về chung sống tại gia đình ông ở thôn A nay là thôn Đ, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường. Ngày 09/01/1991 bà M bỏ nhà đi không có tin tức gì. Theo ông lý do bà M bỏ nhà đi có thể do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn thuộc

hộ nghèo. Năm 2021 ông đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà M mất tích. Tại quyết định số 02/2021/QĐST-DS ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định tuyên bố bà Vũ Thị M, sinh năm 1959, nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc mất tích. Kể từ ngày Tòa án ra quyết định tuyên bố bà M mất tích cho đến nay gia đình ông vẫn không có tin tức gì của bà M. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà M.

Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung là Lê Thanh N, sinh 08/4/1987 và Lê Đức A, sinh ngày 21/6/1990. Hiện nay anh N, anh A đã thành niên, xây dựng gia đình. Ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Vũ Thị M không có mặt tại địa phương nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn T, cho ông T được ly hôn bà Vũ Thị M. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí ông T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Lê Văn T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết tranh chấp về ly hôn với bà Vũ Thị M có nơi cư trú cuối cùng tại thôn Đ, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Sau khi Tòa án tuyên bố bà Vũ Thị M mất tích, ông Lê Văn T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà M, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết về việc cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã xác minh tại địa phương hiện bà M không có mặt ở địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M.

[3]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M là hợp pháp. Quá trình chung sống do kinh tế khó khăn thuộc hộ nghèo nên ngày 09/01/1991 bà M bỏ nhà đi không có tin tức gì. Năm 2021 ông T đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà M mất tích. Tại quyết định số 02/2021/QĐST-DS ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định tuyên bố bà Vũ Thị M, sinh năm 1959, nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc mất tích. Kể từ thời điểm Tòa án quyết định tuyên bố bà Vũ Thị M mất tích cho đến nay bà M không trở về địa phương và cũng không có tin tức gì. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa ông T và bà M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông T xin ly hôn bà M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, công sức và đất canh tác: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Văn T và bà Vũ Thị M.
2. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Lê Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã H, huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Trần Tiến Dũng